TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 06 - 7 - 2017
V/v Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thuỷ

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dần

Ông Nguyễn Tấn Đức

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn trọng Vượng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06/7/2017, tại Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 38/2016/TLPT-HNGĐ ngày 26/10/2016, về việc "*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 25/2016/HNGĐ-ST ngày 25/8/2016 của Toà án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2017/QĐ- PT ngày 09/02/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23a/2017/QĐ-HPT ngày 06/3/2017, Thông báo lịch mở phiên toà phúc thẩm ngày 05/06/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2017/QĐ-PT ngày 20/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trương Viết H, trú tại: Thôn A2, xã A1, huyện A, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Đại diện theo ủy quyền cho ông H: Ông Lê Xuân Anh P, trú tại: 02 đường S, Tp. BM, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H: Luật sư Phan Ngọc N1 – Văn phòng luật sư TN, đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, trú tại: Thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Luật sư Phạm Thị T1 - Công ty Luật TNHH CN. Địa chỉ: đường U, Tp. BM, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T (có mặt) và bà Hoàng Thị Q (vắng mặt), cùng trú tại: Thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk. Bà Q ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn T: Luật sư Phạm Thị T1 - Công ty Luật TNHH CN. Địa chỉ: đường U, Tp. BM, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

3.2. Anh Trương Viết D, trú tại: Thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Vũ Văn Đ và bà Trương Thị X, cùng trú tại: Thôn BK, xã KB, huyện KV, tỉnh Khánh Hòa. Ông Đ ủy quyền cho bà Trương Thị X tham gia tố tụng (bà X có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.4. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Đắk Lắk. Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh E – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện V, vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Hữu C, trú tại: Thôn V3, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3.6. Ông Trương Văn G, trú tại: Thôn V4, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Lưu Thị Phương Y, trú tại: Thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4.2. Ông Nguyễn Bá K, trú tại: Thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4.3. Bà Nguyễn Thị R, trú tại: Thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4.4. Ông Phạm Hữu M, trú tại: Thôn V5, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4.5. Bà Nguyễn Thị N; trú tại: Thôn V5, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn ông Trương Viết H, trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân ông Trương Viết H và bà Nguyễn Thị L cùng tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- 01 lô đất có diện tích 13.805 m^2 và tài sản gắn liền với đất, đất tọa lạc tại thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được cấp quyền sử dụng đất số BG 629554, do UBND huyện V cấp ngày 05/6/2012 mang tên bà Nguyễn Thị L. Hiện bà L đang quản lý và canh tác trên diện tích đất này.

- Tiền mặt 600.000.000 đồng, hiện tại ông H đang tạm quản lý. Số tiền này có nguồn gốc từ việc ông H bà L chuyển nhượng tài sản chung của ông H

và bà L diện tích đất 12.320 m^2 và các tài sản tên đất, toạ lạc tại thôn V5, xã V1, huyện V, tỉnh Đăk Lăk cho ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị R. Sau đó, ông H bà L nhận chuyển nhượng diện tích đất 9.410 m^2 (tại thôn V5, xã V1, huyện V, tỉnh Đăk Lăk) từ ông Phạm Hữu M và bà Nguyễn Thị N. Năm 2015, ông H và bà L chuyển nhượng 9.410m^2 cho vợ chồng ông Trương Văn G với số tiền 600.000.000 đồng. Do đó, nguyện vọng của ông H là chia đôi số tiền này.

- ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với lô đất diện tích 12.975 m^2 tọa lạc tại thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134 ngày 06/5/2008 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T. Đây là tài sản mà ông H, bà L và ông T nhận chuyển nhượng chung từ bà Lưu Thị Phương Y. Do đó, ông H đề nghị Hội đồng xét xử chia cho ông H được hưởng ¼ giá trị tài sản nói trên.

Đối với số tiền 170.000.000 đồng mà ông H và bà L vay của Ngân hàng NN&PTNT Tân Phát là vay trong thời kỳ hôn nhân về để mua đất ở thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ông H và bà L đã bán đất về để cho bà Lưu Thị Phương Y mượn 500.000.000 đồng. Sau đó, bà Y không trả được tiền nên mới có việc bà Y chuyển nhượng đất cho ông T, bà L. Việc bà L đã trả số nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi là 17.283.333 đồng nợ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, phòng giao dịch Tân Phát, số tiền này bà L là người mang ra trả cho Ngân hàng, tuy nhiên trả trong thời gian vợ chồng vẫn chưa ly hôn. Ông H xác định là tiền trả nợ Ngân hàng là tiền chung của vợ chồng.

Đối với số tiền 85.000.000 đồng mà bà L trả tiền chênh lệch tài sản cho ông H thì ông H xác nhận là chưa nhận số tiền này. Chữ ký và chữ viết trong giấy biên nhận tiền 85.000.000 đồng mà bà L cung cấp không phải chữ ký, chữ viết của ông H.

Đối với diện tích đất 203 m^2 và các tài sản trên đất của thửa đất 567, tờ bản đồ số 1, toạ lạc tại thôn Z, xã Z1, huyện Z2, tỉnh Hà Tây được UBND huyện Z2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Viết H ngày 28/12/2001 là tài sản mà bố nẹ ông H tặng cho ông H nên đây là tài sản riêng của ông H nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 11/3/2016, ông Trương Viết H có đơn yêu cầu Toà án giải quyết huỷ Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134, ngày 06/5/2008 của Uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Nguyễn Văn T. Tại phiên toà sơ thẩm ông H rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134, ngày 06/5/2008 của Uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Đắk Lắk cho hộ ông Nguyễn Văn T.

Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân bà L và ông H cùng tạo lập được khối tài sản chung gồm:

- 01 lô đất diện tích 13.805 m^2 và các tài sản trên đất, thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số, tọa lạc tại thôn V2, xã V1, huyện V, được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W853650 mang tên hộ Trương Viết H. Tuy nhiên, khi ly hôn ông H, bà L đã thoả thuận: Bà L được quyền sử dụng đối với tài sản này. Sau khi có quyết định thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự thì bà L đã làm thủ tục sang tên đối với lô đất trên, ngày 05/6/2012 UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 629554 cho bà Nguyễn Thị L. Thời điểm thoả thuận ly hôn thì tài sản trên đất có một ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 40 m^2, cùng 1.300 cây cà phê và 70 trụ tiêu bằng xi măng chưa trồng tiêu, 01 giếng nước. Sau khi ly hôn bà L đã phá khoảng 400 cây cà phê (tương đương với 4.000 m^2 đất) để trồng 800 trụ tiêu. Sau khi ly hôn bà L mới xây dựng căn nhà tạm diện tích 72 m^2 vào năm 2013, cùng sân phơi, tường rào và các vật dụng khác như bồn nước Inôx kèm theo bình nước nóng năng lượng mặt trời. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản này bà L không đồng ý vì sau khi ly hôn các bên đã thoả thuận phân chia tài sản và thực hiện đúng thoả thuận, bà L đã tạo lập nhiều tài sản khác trên đất. Ngoài ra, bà L đã thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ông H số tiền 85.000.000 đồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử khấu trừ lại cho bà L số tiền này trong phần tài sản mà bà L được chia.

- 01 lô đất có diện tích 12.320 m^2 và các tài sản trên đất tại thôn thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện V1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AT 678031, ngày 15/5/2007 mang tên hộ ông Trương Viết H. Tại thời điểm ly hôn ông H bà L đã thoả thuận giao cho ông H được quyền quản lý, sử dụng đối với tài sản này. Năm 2012, bà L và ông H đã chuyển nhượng diện tích đất 12.320 m^2 và các tài sản trên đất cho ông K, bà R với giá 615.000.000 đồng. Sau khi chuyển nhượng bà L và ông H đã nhận chuyển nhượng của ông Phạm Hữu M và bà Nguyễn Thị N 02 lô đất có diện tích gần 22.000 m^2, trong đó:

+ 12.800 m^2 thì bà L không ký hợp đồng chuyển nhượng mà ông M, bà N đã tự ý ký chuyển nhượng cho người khác, hiện tại bà L chỉ còn giữ bản phô tô giấy sang nhượng lô đất diện tích 12.800 m^2 giữa ông M, bà N với bà L và ông H. Bà L và ông H đã đưa trước cho ông M 900.000.000 đồng (giấy tờ giao tiền hiện tại không còn), còn lại số tiền 210.000.000 đồng ông H với bà Trương Thị X là chị gái ông H đưa hết cho ông M. Lý do bà X, ông H đưa số tiền 210.000.000 đồng cho ông M là do tại thời điểm đó bà L đang bị tai nạn nên bà L không biết, sau này bà L biết sự việc thì bà L nghĩ là do chị em với nhau nên bà L không có ý kiến gì. Số tiền chuyển nhượng đất được 615.000.000 đồng bán đất không đủ mua đất của ông M nên bà L đã phải đi vay mượn thêm để cho đủ 900.000.000 đồng để giao cho ông M.

+ Đối với diện tích đất 9.410 m^2 thuộc thửa đất số 240, tờ bản đồ số 48, toạ lạc tại thôn V5, xã V1, huyện V, tỉnh Đăk Lăk, trong tổng số 22.000m^2 mà ông H bà L nhận chuyển nhượng từ ông M bà N thì sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H bà L đã làm thủ tục và được UBND huyện V cấp GCN QSDĐ cho ông H và bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông H bà L đã chuyển nhượng diện tích đất và các tài sản trên đất với giá 1.250.000.000 đồng. Số tiền này hiện ông H đang quản lý. Ông H yêu cầu chia đôi số tiền này bà L không đồng ý.

- Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân ông H và bà L còn có tài sản chung là diện tích đất 203m^2 thuộc thửa đất số 567, tờ bản đồ số 01, toạ lạc tại thôn Z, xã Z1, huyện Z2, tỉnh Hà Tây. Tuy nhiên đối với tài sản này bà L không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Đối với tài sản 01 lô đất diện tích 12.975 m^2 tọa lạc tại thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134 ngày 06/5/2008 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T: Bà L xác định tài sản này không liên quan đến bà L vì thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng giữa ông T với bà Lưu Thị Phương Y ngày 23/4/2008 tại Uỷ ban nhân dân xã V1 thì bà L đã đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T. Mục đích của việc đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng là để đi vay ngân hàng cho thuận tiện. Vì không phải là tài sản chung của ông H bà L nên bà L không đồng ý với yêu cầu của ông H đề nghị chia khối tài sản này.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông H, bà L có vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, phòng giao dịch Tân Phát số tiền 170.000.000 đồng để đầu tư, chăm sóc cà phê. Ngày 23/4/2012, bà Lý đã trả 187.283.333 đồng (trong đó: nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi là 17.283.333 đồng). Nguồn gốc số tiền bà L sử dụng để trả nợ là tiền riêng của bà L, bà L đi vay ngoài để trả. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi khoản nợ nói trên và khấu trừ lại cho bà L số tiền này trong phần tài sản mà ông H được chia.

** Quá trình tham gia tố tụng tại Toà án người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông T không đồng ý với việc ông Trương Viết H cho rằng ½ tài sản là diện tích đất 12.975 m^2 và tài sản trên đất tài tài sản chung của ông H, bà L vì: Vào ngày 12/3/2008, ông T và bà Q có nhận chuyển nhượng của bà Lưu Thị Phương Y cùng trú tại thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk một lô đất có diện tích đất 12.975 m^2 (đất ở: 400 m^2; đất nông nghiệp: 12.575 m^2), tại thời điểm nhận chuyển nhượng trên đất đã có một ngôi nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 60 m^2 và một nhà tạm diện tích khoảng 20 m^2, 01 giếng nước và có trồng khoảng 1.400 cây cà phê đã thu kinh doanh (sau một thời gian ông T phá khoảng 300 cây và phê để trồng 347 trụ tiêu).

Thời điểm chuyển nhượng các bên không làm hợp đồng sang nhượng theo quy định mà chỉ làm giấy sang nhượng lô cà phê đề ngày 12/03/2008, có xác nhận của Ban tự quản thôn ngày 18/4/2008 và thoả thuận giá mua bán là 800.000.000 đồng, ông T đã đưa trước cho bà Y 290.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 23/4/2008 do bà Nguyễn Thị L có nhu cầu vay vốn của Ngân hàng và có nói với ông T cho bà L đứng tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông T đồng ý cho bà L đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Y với ông T và bà L được Uỷ ban nhân dân xã V1 chứng thực vào ngày 23/4/2008 (trong đó có nội dung giá chuyển nhượng 50.00.000 đồng để giảm thuế, giá thực tế chuyển nhượng của lô đất là 800.000.000 đồng).

Sau đó, ông T đã làm thủ tục đăng ký làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tại mục người sử dụng đất của đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông T ghi tên ông Nguyễn Văn T và vợ Hoàng Thị Q mà không ghi tên bà Nguyễn Thị L vì tài sản này là tài sản chung của ông T bà Q, không liên quan gì đến bà L. Sau đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Uỷ ban nhân dân huyện V đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134 ngày 06/5/2008. Do vậy, việc khởi kiện của ông H đối với lô đất 12.975 m^2 là không có cơ sở. Ông T không đồng ý huỷ quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sử dụng đất AK 555134 đối với hộ ông Nguyễn Văn T.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan bà Trương Thị X trình bày:* Vào năm 2012, vợ chồng bà đã mua của ông Phạm Hữu M diện tích 13.430m^2 đất rẫy tọa lạc tại thôn V5, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk với giá 555.000.000 đồng, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc sang nhượng được UBND xã V1 chứng thực sau đó thì bà thực hiện việc sang tên đổi chủ mang tên ông Vũ Văn Đ và bà Trương Thị X và bà canh tác ổn định từ đó cho đến nay. Do vậy, việc bà Nguyễn Thị L cho rằng diện tích đất trên là do vợ chồng bà đứng tên thay cho ông Trương Viết H là không có cơ sở nên bà không chấp nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện V trình bày:* Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134 ngày 06/5/2008 cho hộ ông Nguyễn Văn T thì quan điểm của Uỷ ban nhân dân huyện V như sau:

Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/4/2008 giữa bên chuyển nhượng ông Đào Minh R1, bà Lưu Thị Phương Y với bên nhận chuyển nhượng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L là tài sản chung của cá

nhân của ông Nguyễn Văn T và cá nhân Nguyễn Thị L chứ không phải là hộ gia đình ông Nguyễn Văn T.

Việc uỷ ban nhân dân huyện V, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AK 555134 ngày 06/5/2008 cho hộ ông Nguyễn Văn T tại thửa đất 72, tờ bản đồ 37, diện tích 12.975 m^2 (trong đó có 400 m^2 đất ở tại nông thôn, 12.575 m^2 đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất thôn V2, xã V1, huyện V là trên cơ sở căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ. Về thời gian Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện thẩm tra ngày 28/4/2008 là phù hợp theo hợp đồng đã được ký kết và UBND xã V1 xác nhận. Tuy nhiên, do nhầm lẫn khi in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất nên đã cấp nhầm cho hộ Nguyễn Văn T. Cụ thể là khi kê khai đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ khai là cá nhân ông Nguyễn Văn T (chứ không ghi là hộ Nguyễn Văn T), do quá trình đối chiếu sổ hộ khẩu gia đình ông Nguyễn Văn T, khi in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bộ phận chuyên môn đã viết thêm vào đơn nói trên là bà Hoàng Thị Q (vợ ông T) dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T là nhầm lẫn.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AK 555134 ngày 06/5/2008 cho hộ ông Nguyễn Văn T do nhầm lẫn cho nên quan điểm của Uỷ ban nhân dân huyện V là đồng ý huỷ quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sử dụng đất AK 555134 đối với hộ ông Nguyễn Văn T. Trừ khi việc chứng minh được hợp đồng nêu trên là vô hiệu và cơ quan có thẩm quyền huỷ bỏ. Tại phiên toà sơ thẩm ông Trương Viết H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sử dụng đất AK 555134 đối với hộ ông Nguyễn Văn T, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 25/2016/DS-ST ngày 25/8/2016 của Tòa án huyện Krông Năng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36; Điều 34; Điều 146; Điều 161; Điều 165; Điều 227, Điều 228; Điều 229; Điều 233; Điều 266; khoản 2 Điều 244, điểm c, d khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Áp dụng Điều 217, Điều 223, Điều 233 của Bộ luật dân sự 2005.

Áp dụng các Điều 27, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Viết H về yêu cầu chia tài sản sau ly hôn.

1/ Phần tài sản ông Trương Viết H được nhận gồm:

+ Giao số tiền 715.000.000 đồng cho ông Trương Viết H nhận sử dụng (trong đó: 600.000.000 đồng là tiền do ông Trương Viết H và bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng diện tích đất 9.410 m^2 và tài sản gắn liền với đất và 115.000.000 đồng tiền ông Trương Viết H và bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng diện tích đất rẫy 12.320 m^2 cho vợ chồng ông Nguyễn Đình K và bà Nguyễn Thị R còn dư sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất 9.410 m^2). Số tiền này hiện ông H đang quản lý.

2/ Phần tài sản mà bà Nguyễn Thị L được nhận:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng diện tích 13.805 m2, thửa đất số 71, tờ bản đồ số 37, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 629554, do Uỷ ban nhân dân huyện V cấp ngày 05/6/2012, mang tên bà Nguyễn Thị L. Tài sản trên đất có: 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 36,9 m^2; 01 nhà tạm diện tích 72 m^2; 01 sân phơi diện tích 437 m^2; tường rào, trụ bê tông, lưới B40 dài 70 m; các vật dụng gồm: 01 bồn nước Inoc loại 1.000lít + 01 bình nước nóng năng lượng mặt trời; 01 giếng nước. Về cây trồng trên đất có: 942 cây tiêu và 942 trụ tiêu; 920 cây cà phê; 02 cây sầu riêng.

+ Bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ bù chênh lệch giá trị về tài sản chung cho ông Trương Viết H số tiền 82.285.000 đồng.

+ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện hủy quyết định cá biệt đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134 ngày 06/5/2008 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Viết H trị giá ¼ tài sản là quyền sử dụng đất 12.975 m^2 và tài sản trên đất số tiền là 229.272.000 đồng.

Đối với phần trị giá ¼ tài sản là quyền sử dụng đất 12.975 m^2 và tài sản trên đất là 229.272.000 đồng phần của bà Nguyễn Thị L, hiện tại bà L không có tranh chấp và không có yêu cầu gì nên bà L được quyền khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T khi có đơn yêu cầu.

Áp dụng khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Giao cho ông Nguyễn Văn T được toàn quyền quản lý, sử dụng đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134 do UBND huyện V cấp ngày 06/5/2008 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T. Tài sản trên đất có: 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 60 m^2; 01 ngôi nhà tạm, diện tích 20 m^2; các vật dụng: 01 bồn nước Inoc loại 1000lít, 01 Giếng nước. Về cây trồng trên đất: 1.100 cây cà phê, 347 cây tiêu; 347 trụ tiêu; 03 cây sầu riêng; 01 cây bơ.

+ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Trương Viết D về yêu cầu khởi kiện đòi công gầy dựng đối với phần tài sản chung của ông Trương Viết H và bà Nguyễn Thị L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí giám định, chi phí định giá tài sản, về án phí, quyền quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án, thời hạn và thỏa thuận thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2016, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Xuân Anh P có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 05/9/2016, bị đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 06/9/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị Q có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trương Viết H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Xuân Anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo;

Bị đơn bà Nguyễn Thị L thay đổi nội dung kháng cáo cụ thể: Yêu cầu Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản mà bà L và ông H đã tự phân chia trước đó; Bà L rút yêu cầu phân chia nợ chung, yêu cầu xem xét đối với số tiền 300.000.000 đồng mà bà L vay mượn để góp mua chung 22.000m^2 đất và yêu cầu phân chia tài sản là diện tích đất 203m^2, tọa lạc tại thôn Z, xã Z1, huyện Z2, Hà Tây.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị Q thay đổi nội dung kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H về phần xác định 1/2 tài sản là quyền sử dụng đất 12.975 m^2 và tài sản trên đất được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134 ngày 06/5/2008 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T là tài sản chung của ông H bà L để buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông H trị giá ¼ tài sản là quyền sử dụng đất 12.975 m^2 và tài sản trên đất số tiền là 229.272.000 đồng.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Viết H trình bày quan điểm: Ngày 23/8/2012, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng ban hành Quyết định số 26/2012/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa ông H và bà L. Do Quyết định số 26 có những vi phạm nghiêm trọng nên đã bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy về phần tài sản. Sau khi thụ lý yêu cầu phân chia tài sản của ông H, Toà án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, tuy nhiên chia tài sản cho ông H bằng tiền. Việc phân chia tài sản bằng tiền cho ông H là không bảo đảm quyền lợi và không đúng quy định của pháp luật. Bởi các tài sản chung (đất) trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà L đều có diện tích lớn, có thể phân chia bằng hiện vật và hiện nay ông H không còn đất để sinh sống và sản suất. Vì vậy, đề nghị HĐXX phân chia lại tài sản của ông H bà L theo hiện vật đối với các tài sản gồm: 01 lô đất bà L đang quản lý, sử dụng có diện tích 13.805 m2, thửa đất số 71, tờ bản đồ số 37, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 629554, do Uỷ ban nhân dân huyện V cấp ngày 05/6/2012, mang tên bà Nguyễn Thị L và các tài sản trên đất; ½ lô đất diện tích 12.975 m^2 tọa lạc tại thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 555134 ngày 06/5/2008 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T (hiện gia đình ông T đang quản lý sử dụng) và các tài sản trên đất. Đối với tài sản chung là khoản tiền 600.000.000 đồng mà ông H bà L chuyển nhượng 9.410m2 đất mà có thì đề nghị HĐXX chia đôi. Riêng số tiền 115.000.000 đồng có được từ việc ông H bà L chuyển nhượng tài sản là diện tích đất 12.320m^2 được 615.000.000 đồng, ông H đã đưa cho bà L quản lý 115.000.000 đồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông H giữ toàn bộ số tiền 615.000.000 đồng trên là không có căn cứ. Vì vây, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông H.

Nguyên đơn ông Trương Viết H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Xuân Anh P nhất trí với phần tranh luận của luật sư N1.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T tranh luận: Năm 2012 ông H bà L đã thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản. Ngày 23/8/2012, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng ban hành Quyết định số 26/2012/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự. Mặc dù, Quyết định số 26 bị cấp phúc thẩm huỷ về phần tài sản nhưng ông H bà L vẫn tiếp tục thực hiện các thoả thuận trước đó, cụ thể: Bà L được quyền quản lý và sử dụng đối với diện tích đất 13.805m^2 tại thôn thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đăk Lăk và bà L đã thanh toán 85.000.000 đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản cho ông H (quá trình sử dụng đất bà L đã tạo lập thêm nhiều tài sản khác trên đất); Ông H được quyền quản lý và sử dụng diện tích 12.320m^2 đất tại thôn V2, xã V1, huyện V. Sau đó, ông H đã chuyển nhượng tài sản này cho người khác để mua diện tích đất 9.410m^2 tại thôn V5, xã V1, huyện V. Hiện nay tài sản này ông H cũng đã chuyển nhượng cho người khác. Vì vậy, đề nghị HĐXX giữ nguyên các thỏa thuận giữa ông H và bà L.

Đối với diện tích đất 12.975m^2 mang tên hộ ông Nguyễn Văn T mà cấp sơ thẩm xác định ½ giá trị tài sản là tài sản chung của ông H và bà L để buộc ông T phải thanh toán ¼ giá trị tài sản cho ông H là không đúng. Bởi lẽ: Đây là tài sản chung của ông T bà Q, không liên quan gì đến ông H, bà L. Quá trình giải quyết vụ án ông H không chứng minh được số tiền mà ông đã bỏ ra để mua lô dất này.

Do vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L và ông T, không chấp nhận kháng cáo của ông H và đề nghị HĐXX xem xét lại phần án phí của bản án sơ thẩm.

Bà L và ông T nhất trí với phần tranh luận của luật sư và không bổ sung, thay đổi gì thêm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:*

- Về phần thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện

đúng với quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của ông P, bà L và ông T đều hợp lệ.

- Về nội dung:

Ông H cho rằng ½ tài sản là diện tích đất 12.975m^2 được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn T và các tài sản trên đất là tài sản chung của ông H bà L là không có căn cứ, bởi lẽ quá trình giải quyết vụ án ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Lời khai của ông H và người đại diện theo ủy quyền có sự mâu thuẫn. Tại giấy sang nhượng lô cà phê ngày 12/3/2008 mà ông T cung cấp có xác nhận của ông Nguyễn Đình T2 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai là thiếu sót nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông H là không có căn cứ.

Năm 2012 ông H bà L ly hôn và thỏa thuận giao tài sản diện tích đất 13.805m^2 và các tài sản gắn liền với đất cho bà L, hiện nay bà L đang quản lý sử dụng tài sản này. Quá trình sử dụng bà L đã tạo lập thêm nhiều tài sản nhưng Toà án cấp sơ thẩm không khấu trừ cho bà L gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà L.

Ông H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 12.320 m^2 và các tài sản trên đất. Sau khi thỏa thuận phân chia ông H đã bán tài sản này chông ông K bà R được 615.000.000 đồng, ông H cho rằng sau khi bán tài sản này ông H chỉ giữ 500.000.000 đồng và giao cho bà L 115.000.000 đồng nhưng bà L không thừa nhận, ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình nên không có căn cứ để xác định ông H đã giao cho bà L 115.000.000 đồng. Sau khi chuyển nhượng 12.320 m^2 ông H bà L nhận chuyển nhượng diện tích đất 9.410m^2 của ông M bà N. Căn cứ vào giấy đặt cọc lô cà phê, tiêu ngày 20/10/2015, xác định được ông H bà L chuyển nhượng 9.410m^2 và diện tích đất 13.430m^2 (của ông Đ bà X) cho ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị D2 và ông Trương Văn G, bà Nguyễn Thị D1 với giá 2.500.000.000 đồng. Trong khi đó ông H xác định số tiền bán 9.410m^2 là 600.000.000 đồng, bà L xác định là 1.250.000.000 đồng, ông C xác định khoảng 800.000.000 đồng đến 900.000.000 đồng nhưng Toà án cấp sơ thẩm không đối chất, xác minh làm rõ mà xác định là 600.000.000 đồng và chia đôi số tiền này là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu nợ chung: Theo đơn khởi kiện ông H không yêu cầu giải quyết về nợ chung, bà L không có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu phân chia nợ chung mà Toà án cấp sơ thẩm giải quyết là vượt quá phạm vi khởi kiện.

Như vậy, bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Krông Năng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa khách quan, toàn diện nên đề nghị HĐXX huỷ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm để giải quyết theo quy định chung.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Viết H:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Viết H về việc yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm phân chia tài sản chung bằng hiện vật:

- Theo biên bản thỏa thuận ngày 19/4/2012 giữa ông Trương Viết H và bà Nguyễn Thị L được Ủy ban nhân dân xã V1, huyện V xác nhận cùng ngày thì ông H và bà L thoả thuận:

+ Giao cho bà L được quyền quản lý và sử dụng đối với diện tích đất 13.805m^2 tại thôn thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đăk Lăk;

+ Giao cho ông H được quyền quản lý và sử dụng diện tích 12.320m^2 tại thôn V2, xã V1, huyện V.

+ Đối với thửa đất có diện tích 203m^2 tại thôn Z, xã Z1, huyện Z2, Hà tây thì giao cho ông H và con trai là Trương Viết D quản lý, sử dụng.

Quyết định số 26/2012/QĐST-HNGĐ ngày 03/5/2012 của TAND huyện Krông Năng đã công nhận sự thuận tình ly hôn và ghi nhận sự thỏa thuận trên của ông H, bà L, ngoài ra, bà L có trách nhiệm bù chênh lệch giá trị tài sản cho ông H số tiền 85.000.000 đồng. Tuy nhiên, do quyết định trên có những thiếu sót nên ngày 23/8/2012 TAND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định giám đốc thẩm số 02/2012/QĐGĐT-HNGĐ để hủy một phần quyết định số 26 về phần tài sản.

Mặc dù, Quyết định công nhận sự thỏa thuận về tài sản giữa ông H và bà L đã bị huỷ, tuy nhiên, ông H và bà L vẫn tiếp tục thực hiện các thoả thuận liên quan đến việc phân chia các tài sản là lô đất diện tích 13.805 m^2 và diện tích đất 12.320 m^2. Cụ thể:

+ Sau khi được phân chia tài sản 12.320 m^2, ông H đã chuyển nhượng diện tích đất 12.320 m^2 nói trên cho ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị R, sau đó sử dụng số tiền đã chuyển nhượng đất này để nhận chuyển nhượng 9.410 m^2 tại thông V5, xã V1, huyện V. Năm 2015, ông H đã chuyển nhượng diện tích đất này cho 04 người khác. Hiện ông H đang giữ toàn bộ số tiền chuyển nhượng các tài sản trên.

+ Ngày 10/5/2012 bà L bù khoản tiền chênh lệch tài sản là 85.000.000 đồng cho ông H, sau đó, bà L tiến hành làm thủ tục sang tên tài sản là diện tích đất 13.805 m^2 và các tài sản trên đất, ngày 05/6/2012 được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị L và ông H không có ý kiến gì. Sau khi được phân chia tài sản 13.805 m^2 thì bà L đã tạo lập thêm một số tài sản mới trên đất gồm: Năm 2013, xây dựng thêm một gian nhà diện tích 48 m^2; 01 nhà vệ sinh 5,4 m^2; 01 chuồng gà xây gạch không tô, nền đất có diện tích 9,25 m^2; 01 sân phơi nền xi măng diện tích 380m^2; 01 cổng có 2 trụ

vuông xây, rộng 50cm, cao 2,5m; cổng sắt rộng 3,7m, cao 2,5 mét; ngoài ra, năm 2013 bà L phá bỏ khoảng 600 cây cà phê trồng từ năm 1998 để trồng 1.060 trụ tiêu (trong đó: 647 trụ tiêu (trụ bê tông cao 4m) trồng năm 2013 và 413 trụ tiêu (trụ bê tông cao 4m) trồng tháng 7/2014; tháng 7 năm 2016 bà L phá bỏ khoảng 105 cây cà phê trồng năm 1998 để trồng 220 trụ tiêu (trụ gỗ).

+ Ngày 20/10/2015, ông H và bà L tiếp tục xác lập 01 biên bản thỏa thuận và được UBND xã V1 xác nhận ngày 29/6/2016, với nội dung giao diện tích đất 13.805m^2 cho bà L trực tiếp quản lý và sử dụng, ông H được quyền sử dụng số tiền có được do chuyển nhượng diện tích 9.410m^2 (nguồn gốc của lô đất có diện tích 9.410 m^2 có từ việc chuyển nhượng diện tích đất 12.320m^2).

Hội đồng xét xử xét thấy việc các đương sự thoả thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và được chính quyền địa phương xác nhận. Sau khi thoả thuận thì tài sản mà các bên được nhận đã không còn hoặc có những thay đổi nhất định nên cần giữ nguyên nội dung mà các bên đã thoả thuận phân chia hai lô dất diện tích 13.805m^2 và 12.320m^2 . Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản của ông H, buộc bà L phải bù chênh lệch trị giá tài sản chung là 82.285.000 đồng là không có căn cứ.

- Đối với nội dung khởi kiện của ông Trương Viết H yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung của ông H và bà L là ½ giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 12.975m^2 và các tài sản trên đất đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét cử xét thấy: Căn cứ vào GCNQSDĐ số AK555134 ngày 06/5/2008, về mặt pháp lý diện tích đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất là tài sản của hộ ông Nguyễn Văn T; quá trình giải quyết vụ án ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình mà Toà án cấp sơ thẩm xác định ½ giá trị diện tích đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà L và buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông H ¼ giá trị quyền sử dụng đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất là 229.272.000 đồng là không có căn cứ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu (đơn) khởi kiện và yêu cầu kháng chia tài sản chung của ông H – Sửa bản án sơ thẩm.

[1.2] Việc ông H cho rằng sau khi chuyển nhượng diện tích đất 12.320m^2 cho ông K bà R, ông H đã giao số tiền 115.000.000 đồng cho bà L sử dụng, tuy nhiên, tại thời điểm đó ông H bà L đã sống ly thân, các bên cũng đã thoả thuận chia tài sản, hiện nay bà L không thừa nhận đã nhận số tiền trên và ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L:

[2.1] Xét kháng cáo của bà L về việc phân chia tài sản là diện tích đất 13.805 m^2 và số tiền ông H chuyển nhượng 12.320 m^2 và 9.410 m^2: Tại [1.1] Phần nhận định của Toà án, Hội đồng xét xử đã nhận định và sửa bản án sơ thẩm và giữ nguyên nội dung thoả thuận giữa ông H và bà L về việc phân chia các tài sản là diện tích đất 13.805 m^2 và diện tích đất 12.320 m^2. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L về nội dung này.

[2.2] Xét kháng cáo của bà L không chấp nhận việc bản án sơ thẩm xác định ½ giá trị tài sản là diện tích đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông H:

Căn cứ vào GCNQSDĐ số AK555134 ngày 06/5/2008 thì về mặt pháp lý diện tích đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất là tài sản của hộ ông Nguyễn Văn T nên không có căn cứ để xác định ½ giá trị tài sản này là tài sản chung của ông H, bà L. Như vậy, việc Toà án cấp sơ thẩm xác định ½ giá trị diện tích đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà L và buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông H ¼ giá trị quyền sử dụng đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất là 229.272.000 đồng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L và sửa bản án sơ thẩm.

[2.3] Tại phiên toà phúc thẩm bà Nguyễn Thị L thay đổi nội dung kháng cáo xin rút yêu cầu phân chia nợ chung vay ngân hàng 170.000.000đ, không yêu cầu xem xét đối với số tiền 300.000.000 đồng mà bà L vay mượn để góp mua chung 22.000m^2 đất và không yêu cầu phân chia tài sản là diện tích đất 203m^2, tọa lạc tại thôn Z, xã Z1, huyện Z2, Hà Tây. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Hoàng Thị Q không chấp nhận việc bản án sơ thẩm xác định ½ giá trị tài sản là diện tích đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất đã được UBND huyện V cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn T là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông H:

Tại mục [1.1] và [2.2] Phần nhận định của Toà án, Hội đồng xét xử đã xác định ½ giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất không phải tài sản chung của ông H và bà L. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông T phải có nghĩa vụ trả cho ông H ¼ giá trị quyền sử dụng đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất là 229.272.000 đồng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T và bà Q và xác định quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 12.975 m^2 và các tài sản trên đất là tài sản của hộ ông Nguyễn Văn T.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk cho rằng bản án sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ

chưa toàn diện là có căn cứ. Tuy nhiên, tại mục [1.] của Phần nhận định của Toà án Hội đồng xét xử đã nhận định và không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nên việc thu thập các chứng cứ trên không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án và không phải vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không chấp nhận đề nghị huỷ bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk mà cần sửa bản án sơ thẩm.

[5.] Về chi phí tố tụng:

[5.1.] Chi phí định giá sơ thẩm: Ông Trương Viết H phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí định giá, được khấu trừ vào số tiền mà ông H đã nộp tạm ứng.

[5.2.] Chi phí giám định: Ông Trương Viết H phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.300.000 đồng (giám định giấy nhận tiền 85.000.000 đồng) và 4.340.000 đồng (giám định biên bản thoả thuận ngày 20/10/2015), được khấu trừ vào số tiền 4.300.000 đồng mà ông H đã tạm ứng, số tiền ông H còn phải nộp là 4.300.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 4.300.000 đồng mà bà đã tạm ứng chi phí giám định, sau khi thu được số tiền chi phí giám định của ông H.

[5.3.] Chi phí thẩm định: Ông Trương Viết H phải chịu 2.400.000 đồng tiền chi phí thẩm định phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng mà ông H đã tạm ứng ngày 06/3/2017. Số tiền còn lại 600.000 đồng Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã trả lại cho ông H ngày 20/6/2017.

[6.] Về án phí:

Ông Trương Viết H phải chịu 21.398.355 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Đã được Toà án cấp sơ thẩm giảm 50%) và 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 6.250.000 đồng theo biên lai thu số 26574 ngày 06/10/2014 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0038486 ngày 23/9/2016 mà ông H đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Số tiền ông H còn phải nộp là 14.948.355 đồng.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà L số tiền đã nộp tạm ứng là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 20098 ngày 20/3/2015 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0038479 ngày 09/9/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0038485 ngày 22/9/2016 mà ông T đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bà Hoàng Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Q số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0038478 ngày 09/9/2016 mà bà Q đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả cho anh Trương Viết D số tiền 200.000 đồng đã tạm ứng theo biên lai thu số 0020042 ngày 12/02/2015 Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại các Điều 33, Điều 38, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trương Viết H.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị L.

- Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị Q.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm 25/2016/DS-ST ngày 28/7 và ngày 25/8/2016 của Tòa án huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk:

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Viết H.

Chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị L được quyền quản lý, sử dụng đố với diện tích đất 13.805 m^2 thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 37, được Uỷ ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 629554 ngày 05/6/2012 mang tên bà Nguyễn Thị L và các tài sản trên đất (Theo biên bản xem xét thẩm định các tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 36,9 m^2; 01 gian nhà diện tích 48 m^2 xây dựng năm 2013; 01 bồn nước Inox loại 1000 lít; 01 bình nước năng lượng mặt trời; 01 nhà vệ sinh 5,4 m^2; 01 chuồng gà xây gạch không tô, nền đất có diện tích 9,25 m^2; 01 sân phơi nền xi măng diện tích 380m^2; 01 cổng có 2 trụ vuông xây, rộng 50cm, cao 2,5m; cổng sắt rộng 3,7m, cao 2,5 mét; tường rào, chân xây gạch, rào lưới B40 dài 70m; 1.060 trụ tiêu, trong đó: 647 trụ tiêu (trụ bê tông cao 4m) trồng năm 2013 và 413 trụ tiêu (trụ bê tông cao 4m) trồng tháng 7/2014; 220 trụ tiêu (trụ gỗ) trồng tháng 7 năm 2016) - Hiện bà Nguyễn Thị L đang quản lý sử dụng các tài sản này;

- Ông H được quyền sử dụng 01 lô đất có diện tích 12.320 m^2 và các tài sản trên đất tại thôn thôn V2, xã V1, huyện V, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AT 678031, ngày 15/5/2007 mang tên hộ Trương Viết H (Tài sản này ông H đã bán cho ông Nguyễn Bá K và bà Nguyễn Thị R);

2. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí định giá sơ thẩm: Ông Trương Viết H phải chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí định giá, được khấu trừ vào số tiền mà ông H đã nộp tạm ứng.

- Chi phí giám định: Ông Trương Viết H phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.300.000 đồng (giám định giấy nhận tiền 85.000.000 đồng) và 4.340.000 đồng (giám định biên bản thoả thuận ngày 20/10/2015), được khấu trừ vào số tiền 4.300.000 đồng mà ông H đã tạm ứng, số tiền ông H còn phải nộp là 4.300.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 4.300.000 đồng mà bà đã tạm ứng chi phí giám định, sau khi thu được số tiền chi phí giám định của ông H.

- Chi phí thẩm định: Ông Trương Viết H phải chịu 2.400.000 đồng tiền chi phí thẩm định phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng mà ông H đã tạm ứng ngày 06/3/2017. Số tiền còn lại 600.000 đồng Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk đã trả lại cho ông H ngày 20/6/2017.

3. Về án phí:

Ông Trương Viết H phải chịu 21.398.355 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 6.250.000 đồng theo biên lai thu số 26574 ngày 06/10/2014 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0038486 ngày 23/9/2016 mà ông H đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Số tiền ông H còn phải nộp là 14.948.355 đồng.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà L số tiền đã nộp tạm ứng là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 20098 ngày 20/3/2015 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0038479 ngày 09/9/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V;

Ông Nguyễn Văn T, bà Hoàng Thị Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông T số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0038485 ngày 22/9/2016 và bà Q số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0038478 ngày 09/9/2016 mà ông T, bà Q đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Hoàn trả cho anh Trương Viết D số tiền 200.000 đồng đã tạm ứng theo biên lai thu số 0020042 ngày 12/02/2015 Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thủy